

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRẦN THỊ NGỌC VINH

HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN 6.3

Chuyên ngành: Kế toán

Mã số: 60.34.30

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng - Năm 2013

**Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. NGÔ HÀ TẤN**

Phản biện 1: TS. ĐƯỜNG NGUYỄN HÙNG

Phản biện 2: TS. VĂN THỊ THÁI THU

Luận văn đã được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 15 tháng 03 năm 2013.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng

Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Sản xuất xây lắp là một ngành sản xuất có tính chất công nghiệp. Tuy nhiên đó là một ngành sản xuất công nghiệp đặc biệt. Sản phẩm XDCB cũng được tiến hành sản xuất một cách liên tục, từ khâu thăm dò, điều tra khảo sát đến thiết kế thi công và quyết toán công trình khi hoàn thành. Các khâu của hoạt động sản xuất có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, nếu một khâu ngừng trệ sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của các khâu khác.

Với đặc điểm là vốn đầu tư lớn, khối lượng thi công công trình lớn, thời gian đầu tư và thi công dài, nhiều khoản mục chi phí phức tạp, nên các công ty xây lắp cần phải quản lý vốn đầu tư, khắc phục tình trạng lãng phí, hạ giá thành sản phẩm, song vẫn phải đảm bảo chất lượng cũng như tiến độ thi công. Muốn vậy, các công ty cần phải có một hệ thống kế toán thực sự hữu hiệu để cung cấp thông tin về tài chính và tình hình hoạt động của công ty một cách chính xác, kịp thời, đáp ứng nhu cầu quản lý. Là một phân hệ thông tin trong hệ thống quản lý, hạch toán kế toán cũng cần có sự đổi mới, hoàn thiện để đáp ứng những yêu cầu quản lý và từng bước hoà nhập thông lệ, chuẩn mực quốc tế về kế toán.

Qua quá trình làm việc tại Công ty Cổ phần 6.3, tác giả thấy tổ chức công tác kế toán ở Công ty chưa thật sự hợp lý, như việc luân chuyển chứng từ thiếu chặt chẽ, sử dụng các sổ chưa bảo đảm khoa học và đầy đủ, từ đó chưa bảo đảm được yêu cầu về thông tin cho quản lý, cơ sở về thông tin kế toán để ra quyết định của nhà quản trị còn gặp nhiều bất cập. Vì thế việc nghiên cứu đề

tài “ **Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần 6.3**” là hết sức cần thiết và cấp bách.

2. Mục tiêu nghiên cứu.

Luận văn tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận về tổ chức công tác kế toán nói chung. Từ đó vận dụng nghiên cứu thực trạng tổ chức công tác kế toán ở Công ty Cổ Phần 6.3 nói riêng nhằm mục đích tìm ra những mặt còn tồn tại và đề xuất các giải pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tại Công ty về các mặt: chứng từ, sổ kế toán và báo cáo kế toán ở Công ty Cổ Phần 6.3.

Từ mục tiêu trên, đề tài đặt ra các câu hỏi nghiên cứu sau:

+ Việc vận dụng, luân chuyển chứng từ có chặt chẽ và mang lại hiệu quả không ?

+ Việc tổ chức hệ thống sổ kế toán có đầy đủ, hợp lý, bảo đảm cho việc tổng hợp lập các báo cáo kế toán không ?

+ Việc lập các báo cáo kế toán, nhất là các báo cáo kế toán quản trị có đáp ứng yêu cầu thông tin cho quản lý không ?

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.

Đối tượng nghiên cứu: Luận văn nghiên cứu về tổ chức công tác kế toán, trong đó tập trung chủ yếu là tổ chức chứng từ, sổ kế toán và báo cáo kế toán tại Công ty Cổ phần 6.3.

Phạm vi nghiên cứu: Luận văn đi sâu nghiên cứu về tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần 6.3 bao gồm đơn vị trực thuộc Công ty và Văn phòng Công ty.

4. Phương pháp nghiên cứu.

Sử dụng các phương pháp thu thập thông tin từ sự quan sát, tổng hợp phân tích, so sánh, phỏng vấn, ... liên quan đến thực trạng tổ chức công tác kế toán tại Công ty cổ phần 6.3.

5. Kết cấu luận văn.

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn được kết cấu thành ba chương:

+ Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp.

+ Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ Phần 6.3

+ Chương 3: Giải pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ Phần 6.3.

6. Tổng quan tài liệu

Về tổ chức công tác kế toán đã được rất nhiều tác giả nghiên cứu. Đề tài luận văn “ Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tại Tổng công ty Hàng không Việt Nam”(2010) của tác giả Nguyễn Thị Như Linh. Trong đề tài này tác giả hệ thống, khái quát những vấn đề lý luận chung về tổ chức công tác kế toán và làm sáng tỏ các đặc thù về công tác kế toán đối với ngành hàng không.

Tác giả đi sâu nghiên cứu thực trạng tổ chức công tác kế toán tại Tổng công ty hàng không Việt Nam cho thấy hệ thống TK tại Tổng công ty không chỉ bổ sung các TK chi tiết cấp 2,3,4... mà Tổng công ty đã xây dựng hệ thống TK được mã hoá với quy mô rất lớn và độ chi tiết rất cao để phục vụ yêu cầu quản lý sản xuất kinh doanh.

Tổng công ty vận dụng hệ thống tài khoản trên để hạch toán về TSCĐ mua, đi thuê, hạch toán tài sản bằng tiền, hạch toán chi phí, doanh thu, kết quả kinh doanh, nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước theo đúng chế độ kế toán.

Hệ thống sổ kế toán áp dụng tại Tổng công ty hàng không Việt Nam khá đầy đủ. Tuy nhiên hệ thống sổ áp dụng tại Tổng công

ty chỉ có ý nghĩa về mặt kế toán tài chính còn các sổ kế toán quản trị chưa được đơn vị thực sự quan tâm.

Đối với các báo cáo tài chính bắt buộc thì lập theo quy định của nhà nước còn các báo cáo nội bộ chỉ dừng lại ở mức độ là các báo cáo bộ phận chưa đáp ứng được nhu cầu quản trị của Tổng công ty.

Việc sử dụng hình thức sổ kế toán: Tại Tổng công ty sử dụng hình thức sổ Nhật ký chung còn các đơn vị thành viên sử dụng hình thức Chứng từ ghi sổ

Tác giả đề xuất ra giải pháp là thống nhất giữa Tổng công ty và các đơn vị thành viên sử dụng chung một loại hình thức sổ là Nhật ký chung để tạo ra việc liên kết chung về cơ sở dữ liệu giữa các đơn vị thắt chặt công tác kiểm tra, kiểm soát tại Tổng công ty.

Đề tài luận văn “ Hoàn thiện tổ chức hạch toán kế toán tại Tập đoàn Việt Á” (2010) của tác giả Nguyễn Ái Ly. Trong đề tài này việc sử dụng hệ thống chứng từ, tài khoản còn nhiều bất cập là: khi xuất kho hàng hoá cho khách hàng kế toán không viết phiếu xuất kho mà lấy hoá đơn GTGT làm căn cứ ghi sổ giá vốn, xuất kho, mua sắm TSCĐ thì không thiết lập hồ sơ về tài sản cố định như không có hợp đồng, hạch toán tiền lương nhưng thiếu bảng đăng ký tiền lương và thiếu hợp đồng lao động.

Hiện nay, Tập đoàn Việt Á đã áp dụng thống nhất phần mềm kế toán trên máy vi tính. Vì vậy sau khi chứng từ được kiểm tra và nhập số liệu chính xác vào phần mềm thì tất cả các loại sổ tổng hợp, chi tiết được in ra một cách đầy đủ. Tuy nhiên tại một số công ty trực thuộc vẫn còn có hiện tượng tẩy xóa trên sổ sách hoặc thực hiện không đúng phương pháp chữa sổ theo quy định hiện hành của Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tác giả đề xuất các giải pháp: thứ nhất là xác định rõ loại chứng từ sử dụng cho từng bộ phận nghiệp vụ, xác định chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận trong quá trình lập chứng từ, xây dựng bảng danh điểm chứng từ, trong đó quy định rõ mã số, quy cách, biểu mẫu...tiện cho việc quản lý và sử dụng. Thứ hai là chi tiết hoá số liệu theo yêu cầu quản trị kinh doanh của Tập đoàn, lập dự toán SXKD và kiểm tra đánh giá tình hình thực hiện dự toán, phân tích chi phí theo nhiều góc độ khác nhau và phân tích hiệu quả kinh doanh làm cơ sở cho quản trị doanh nghiệp trong cơ chế thị trường...

Trong các công trình này, các tác giả đã hệ thống các nội dung cơ bản về tổ chức công tác kế toán cũng như thực trạng tổ chức công tác kế toán tại đơn vị và đề xuất những giải pháp giúp cho việc cung cấp thông tin đầy đủ và chính xác. Mặc dù vậy, tất cả các nghiên cứu về tổ chức công tác kế toán đã được công bố là những nghiên cứu chuyên sâu về tổ chức công tác kế toán trong một đơn vị cụ thể với những đặc thù riêng.

Mặt khác, xuất phát từ lý luận và những vấn đề thực tiễn, tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty Cổ Phần 6.3 cần hoàn thiện phù hợp với điều kiện sản xuất của Công ty nhằm thu nhận, xử lý, phân tích, cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, trung thực phục vụ cho việc điều hành của Công ty .

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 . KHÁI QUÁT VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TRONG DOANH NGHIỆP

1.1.1. Khái niệm, ý nghĩa tổ chức công tác kế toán

a. Khái niệm

Nếu xét theo quá trình cung cấp thông tin cho quản lý thì: “Tổ chức công tác kế toán là việc xây dựng hệ thống chỉ tiêu thông tin thông qua tổ chức hệ thống ghi chép của kế toán trên chứng từ, sổ sách kế toán và báo cáo kế toán cho mục đích quản lý các đối tượng kế toán của đơn vị hạch toán” [4, tr.6]

Nếu xét về nội dung thì: “Tổ chức công tác kế toán ở doanh nghiệp là tổ chức khối lượng công tác kế toán và bộ máy nhân sự kế toán trên cơ sở vận dụng các chế độ kế toán và trong những điều kiện cụ thể của doanh nghiệp” [7, tr.1]

b. Ý nghĩa tổ chức công tác kế toán

Tổ chức tốt công tác kế toán ở doanh nghiệp chẳng những đảm bảo cho việc thu nhận, hệ thống hoá thông tin kế toán đầy đủ, kịp thời, đáng tin cậy phục vụ cho công tác quản lý mà còn giúp doanh nghiệp quản lý chặt chẽ tài sản, ngăn ngừa được những hành vi làm tổn hại đến tài sản của doanh nghiệp.

Tổ chức công tác kế toán vừa là vấn đề có tính khoa học, vừa là vấn đề cấp bách trong mọi giai đoạn phát triển. Tính khoa học của tổ chức công tác kế toán xuất phát từ vị trí, chức năng và bản chất của phân hệ kế toán và kiểm tra trong hệ thống quản lý, từ bản chất của tổ chức công tác kế toán.

1.1.2 Nội dung tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp.

a. Tổ chức chứng từ kế toán

Tổ chức chứng từ kế toán là thiết lập các thủ tục cần thiết để hình thành bộ chứng từ đầy đủ cho từng loại nghiệp vụ kinh tế phát sinh, nhằm thiết lập hệ thống thông tin ban đầu hợp pháp, hợp lệ phục vụ cho quản lý và xử lý ghi sổ kế toán.

- Nguyên tắc tổ chức chứng từ kế toán.

Một là, tổ chức chứng từ kế toán phải căn cứ vào chế độ do Nhà nước ban hành.

Hai là, tổ chức chứng từ phải căn cứ vào cơ cấu tài sản, nguồn vốn, đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh và trình độ tổ chức quản lý để xác định số lượng, chủng loại chứng từ thích hợp.

Ba là, tổ chức chứng từ kế toán phải căn cứ vào yêu cầu quản lý tài sản và tình hình biến động của chứng từ để tổ chức sử dụng chứng từ thích hợp và luân chuyển các bộ phận có liên quan.

Bốn là, tổ chức vận dụng chứng từ phải căn cứ vào nội dung và đặc điểm từng loại chứng từ.

Tổ chức chứng từ kế toán trong doanh nghiệp bao gồm: tổ chức hệ thống chứng từ và tổ chức luân chuyển chứng từ.

b. Tổ chức vận dụng sổ kế toán

Tổ chức sổ kế toán là thiết lập cho doanh nghiệp một bộ sổ kế toán tổng hợp và chi tiết có chủng loại, số lượng, hình thức kết cấu theo một hình thức kế toán nhất định, phù hợp với đặc thù của doanh nghiệp.

Trong quá trình tổ chức vận dụng hệ thống sổ kế toán tại các doanh nghiệp, cần tuân thủ một số nguyên tắc cơ bản sau:

- Thứ nhất: Bảo đảm tính thống nhất giữa hệ thống tài

khoảng kế toán với việc xây dựng hệ thống sổ kế toán.

- Thứ hai: Việc tổ chức sổ kế toán phải dựa trên các hình thức sổ kế toán do Nhà nước quy định.

- Thứ ba: Kết cấu và nội dung ghi chép trên từng loại sổ phải phù hợp với năng lực, trình độ tổ chức quản lý nói chung.

- Thứ tư: Sử dụng sổ kế toán phải theo đúng quy định về mở sổ, ghi sổ, sửa chữa sai sót trên sổ, chuyển sổ và khoá sổ.

- Thứ năm: Sổ kế toán phải ghi kịp thời, rõ ràng, đầy đủ theo các nội dung của sổ.

- Thứ sáu: Các doanh nghiệp có thể ghi sổ kế toán bằng tay hoặc bằng máy vi tính.

c. Tổ chức báo cáo kế toán

Tổ chức báo cáo kế toán là nội dung cuối cùng của tổ chức công tác kế toán theo chu trình kế toán, nhằm tổng hợp và cung cấp cho người sử dụng các thông tin cần thiết về tình hình kinh tế tài chính của doanh nghiệp.

1.2. ĐẶC ĐIỂM SẢN XUẤT KINH DOANH XÂY LẮP VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA NÓ ĐẾN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN.

1.2.1 Đặc điểm sản xuất kinh doanh xây lắp.

- Sau khi trúng thầu hoặc chỉ định thầu thì Doanh nghiệp xây lắp ký hợp đồng với đơn vị chủ đầu tư.

- Sản phẩm xây lắp là những công trình xây dựng, vật kiến trúc... có quy mô lớn, kết cấu phức tạp mang tính đơn chiếc, thời gian sản xuất sản phẩm xây lắp lâu dài. Sản phẩm xây lắp được tiêu thụ theo giá dự toán hoặc giá thỏa thuận với chủ đầu tư. Sản phẩm xây lắp từ khi khởi công cho đến khi hoàn thành bàn giao

đưa vào sử dụng thường kéo dài. Công trình hoàn thành bàn giao được xem là tiêu thụ.

1.2.2. Ảnh hưởng của sản xuất kinh doanh xây lắp đến tổ chức công tác kế toán.

- Đối với tổ chức chứng từ: Sản phẩm xây lắp thường có giá trị lớn kết cấu phức tạp, mang tính đơn chiếc, thời gian sản xuất dài, địa điểm thay đổi thường xuyên nên việc thu thập chứng từ gặp nhiều khó khăn.

- Đối với tổ chức sổ kế toán: mở sổ chi tiết về từng loại vật tư, từng loại tài sản, từng khoản vay, khoản lãi, thuế vãng lai...

- Đối với tổ chức báo cáo: ngoài báo cáo tài chính theo quy định của Nhà nước thì cần phải tổ chức báo cáo kế toán quản trị.

1.3. ĐẶC ĐIỂM TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP.

1.3.1. Khái quát chung về đặc điểm tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp xây lắp.

a. Về chứng từ trong doanh nghiệp xây lắp: chứng từ lao động và tiền lương, chứng từ về hàng hóa nguyên vật liệu, chứng từ về doanh thu... Các chứng từ được lập theo từng công trình, hạng mục công trình.

b. Về sổ kế toán.

Ngoài các sổ kế toán tổng hợp thì đối với các doanh nghiệp xây lắp cần phải xây dựng một hệ thống sổ, thẻ kế toán thật chi tiết. Như: một công trình được xây dựng liên quan đến nhiều đơn vị cung cấp vật tư, và nhiều khoản vay, thuế vãng lai

ở địa phương công trình đang thi công. Vì vậy các sổ chi tiết phải được theo dõi chi tiết cho từng công trình và từng đối tượng liên quan.

c. Về báo cáo.

Ngoài báo cáo cáo tài chính bắt buộc do Nhà nước ban hành biểu mẫu thống nhất. Các doanh nghiệp xây lắp cần xây dựng một hệ thống báo cáo kế toán quản trị.

1.3.2. Đặc điểm công tác kế toán theo các phần hành chủ yếu trong doanh nghiệp xây lắp.

a. Kế toán phần hành tài sản cố định.

Khi có tài sản cố định tăng thêm, doanh nghiệp phải thành lập ban nghiệm thu tài sản cố định và lập hồ sơ TSCĐ.

Khi giảm TSCĐ, tùy theo từng trường hợp giảm TSCĐ mà doanh nghiệp có thể sử dụng các chứng từ.

Hao mòn TSCĐ: Là sự giảm dần về mặt giá trị của TSCĐ trong quá trình sử dụng.

Khấu hao TSCĐ: Là biểu hiện giá trị hao mòn của TSCĐ bằng tiền và tính chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh.

b. Kế toán phần hành nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ.

- Với đặc điểm chung của ngành xây dựng là thường xuyên sản xuất lưu động, lực lượng sản xuất phân tán không tập trung. Để có thể quản lý chặt chẽ và tổ chức hạch toán chi tiết từng loại vật liệu, công cụ dụng cụ phục vụ cho quản trị ... cần thiết phải tiến hành phân loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

c. Kế toán phần hành lao động - tiền lương

Trong bất cứ doanh nghiệp nào cũng cần sử dụng một lực

lượng lao động nhất định tùy theo quy mô, yêu cầu sản xuất cụ thể. Chi phí về tiền lương là một trong các yếu tố chi phí cơ bản cấu thành nên giá trị sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra. Vì vậy, sử dụng hợp lý lao động cũng chính là tiết kiệm chi phí về lao động, góp phần hạ thấp giá thành sản phẩm, tăng doanh lợi và là điều kiện để cải thiện, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động.

d. Kế toán phần hành chi phí sản xuất và tính giá thành.

Do tính chất đặc thù của ngành xây dựng là sản xuất sản phẩm mang tính đơn chiếc nên đối tượng tập hợp chi phí sản xuất thường được xác định là từng công trình, hạng mục công trình, từng giai đoạn công việc hoàn thành theo quy ước.

Tính giá thành sản phẩm xây lắp phụ thuộc vào phương thức thanh toán khối lượng sản phẩm xây lắp hoàn thành giữa bên nhận thầu và chủ đầu tư.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Tổ chức công tác kế toán là cần thiết đối với doanh nghiệp. Qua đó phản ánh thông tin về toàn bộ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, nhằm giúp nhà quản lý nắm được tình hình hoạt động của doanh nghiệp. Trong chương này tác giả tập trung khái quát chung về tổ chức công tác kế toán trong ngành xây lắp. Lý luận là kim chỉ nam cho thực tế hành động. Đây chính là cơ sở để vận dụng nghiên cứu thực trạng và đưa ra các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán ở Công ty Cổ phần 6.3.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN 6.3

2.1 TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN 6.3.

2.1.1 Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu số 3203001263 ngày 09/01/2006. Cấp thay đổi lần 3 số 0400559956 ngày 09/02/2011.

Lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cấp và thoát nước, giao thông, thủy lợi.

- Gia công, sản xuất cửa sắt, hàng mộc. Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng.

2.1.2 Tổ chức quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh ở Công ty.

Công ty Cổ phần 6.3 có cơ cấu tổ chức quản lý theo mô hình trực tuyến – chức năng.

2.2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN 6.3.

2.2.1. Đặc điểm chứng từ sử dụng ở Công ty

Để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, làm cơ sở ghi chép sổ kế toán, Công ty Cổ phần 6.3 áp dụng chế độ kế toán theo Quyết định số 48 /2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ Tài chính.

Các chứng từ được tập trung về Phòng Tài chính - kế toán, kế toán tổng hợp kiểm tra tính hợp pháp về nội dung lẫn hình thức, sau

đó chuyển cho kế toán trưởng ký duyệt, thực hiện phân loại và giao cho kế toán các phần hành.

2.2.2. Đặc điểm về hệ thống sổ kế toán ở Công ty

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung và thực hiện phần lớn các công việc ghi sổ, xử lý số liệu trên phần mềm kế toán Misa.

Các chứng từ kế toán được kiểm tra và phân loại, kế toán các phần hành thực hiện phân nhập chứng từ vào phần mềm Misa, phần mềm sẽ tự động lên các sổ tổng hợp, chi tiết và lên Báo cáo tài chính.

2.2.3. Tổ chức công tác kế toán theo các phần hành ở Công ty.

a. Tổ chức kế toán phần hành tài sản cố định.

Khi có nhu cầu sử dụng TSCĐ, phụ trách của bộ phận cần sử dụng TSCĐ lập giấy đề nghị cấp TSCĐ chuyển lên phòng Kế hoạch-kỹ thuật để phân tích tình hình công ty, tình hình thị trường và đưa ra phương án đầu tư TSCĐ một cách hợp lý. Giám đốc công ty là người đưa ra quyết định đầu tư TSCĐ hay không..

b. Tổ chức kế toán phần hành nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

Ở Công ty cổ phần 6.3 với đặc điểm xây lắp nguyên vật liệu được cung ứng đến kho của công trình và được cung cấp từ nguồn mua ngoài là chủ yếu. Số lượng và đơn giá nguyên vật liệu để thi công công trình được quy định trong thiết kế dự toán.

c. Tổ chức kế toán phần hành tiền lương và các khoản trích theo lương.

Đặc thù của ngành xây lắp là các công trình thường phân bố ở nhiều nơi, do vậy ngoài lực lượng lao động thi công trực tiếp của

Công ty còn có cả lực lượng lao động thuê ngoài (thường là lực lượng lao động tại địa phương). Vì vậy, Công ty sử dụng hai hình thức trả lương: trả lương theo thời gian, trả lương khoán, công nhật

d. Tổ chức kế toán phân hành chi phí và tính giá thành sản phẩm.

Do đặc điểm của sản xuất xây lắp. Công ty cổ phần 6.3 xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là công trình, hạng mục công trình. Đối tượng tính giá thành là các công trình hoàn thành được bàn giao.

Toàn bộ chi phí sản xuất của công ty được chia thành 4 khoản mục: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (TK 15411) , Chi phí nhân công trực tiếp (TK 15412), Chi phí sử dụng máy thi công (TK 15413), Chi phí sản xuất chung (TK 15417). Các chi phí này được tập hợp và kết chuyển sang TK 15418: Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang. Để xác định giá vốn kế toán kết chuyển số liệu từ TK 15418 sang TK 632.

2.2.4. Tổ chức các báo cáo kế toán tại Công ty Cổ phần 6.3.

Hệ thống báo cáo tài chính ở Công ty được lập theo quý, năm, bao gồm các biểu mẫu: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính

Ngoài hệ thống báo cáo tài chính trên, Công ty Cổ phần 6.3 xây dựng hệ thống báo cáo kế toán quản trị gồm: **Báo cáo công nợ phải thu, công nợ phải trả, Báo cáo chi tiết về vốn bằng tiền.**

2.3 . ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN 6.3

Qua quá trình tìm hiểu về tổ chức công tác kế toán tại Công ty

Cổ Phần 6.3, có thể rút ra một số ưu điểm và tồn tại như sau:

2.3.1 Về chứng từ kế toán.

a. Ưu điểm

- Việc lập, sử dụng chứng từ đúng với mẫu quy định của mục I, chương II Luật Kế toán số: 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Nghị định số 129/2004 NĐ-CP ngày 31/05/2004 của Chính phủ.

- Xây dựng quy trình luân chuyển chứng từ tương đối khép kín.

b. Nhược điểm

- Khâu kiểm tra chứng từ thực hiện chưa nghiêm túc, còn có những sai phạm về hình thức và nội dung của chứng từ

- Việc giao nhận chứng từ giữa nhân viên kế toán công trường và kế toán văn phòng tiến hành chậm và chưa có phiếu giao nhận chứng từ nên đôi lúc chứng từ bị thất lạc.

2.3.2. Về hình thức Sổ kế toán

a. Ưu điểm

Việc sử dụng phần mềm kế toán Misa phản ánh đầy đủ, chi tiết đáp ứng được yêu cầu người quản lý và đúng theo biểu mẫu quy định.

b. Nhược điểm

+ Việc lên sổ chi tiết cho từng loại chi phí không đúng bản chất

+ Sổ chi tiết nguyên vật liệu: chưa chi tiết từng loại nguyên vật liệu, từng công cụ dụng cụ như cát, xi măng, đá...

+ Sổ nhật ký chuyên dùng hay nhật ký đặc biệt như nhật ký thu tiền, nhật ký chi tiền.... Công ty chưa lưu tâm đến sử dụng loại sổ này.

+ Cuối tháng, kế toán chưa thực hiện việc khoá sổ kế toán trên

máy vi tính và in sổ kế toán ra giấy và đóng thành quyển riêng cho từng tháng.

2.3.3 Về các phần hành kế toán.

a. Phần hành kế toán tài sản cố định.

- **Ưu điểm:** Hệ thống chứng từ đầy đủ theo các biểu mẫu quy định của Bộ Tài chính.

- Nhược điểm:

+ Công ty không thực hiện đánh số TSCĐ.

+ Công ty thực hiện kế toán theo hình thức Nhật ký chung, tổ chức một sổ bảng kê làm cơ sở cho kế toán tổng hợp thực hiện phản ánh vào Sổ tổng hợp. Tuy nhiên các bảng kê này không quy định cụ thể áp dụng ghi Có hay ghi Nợ cho các tài khoản cụ thể nào. Bên cạnh đó, trong trường hợp nghiệp vụ xảy ra liên quan đến nhiều bút toán thì công ty phải lập một số lượng lớn Bảng kê, nên khá phức tạp cho công tác kế toán.

b. Phần hành kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

- **Ưu điểm:** Công ty dựa vào vai trò, công dụng của vật liệu để chia ra thành nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ. . . Việc phân loại của Công ty dựa trên cơ sở như vậy là hợp lý và tương đối chính xác.

- Nhược điểm:

+ Công ty chưa tiến hành phân loại chi tiết loại nguyên vật liệu theo công dụng.

+ Công ty hiện nay chưa thực hiện việc kiểm kê nguyên vật liệu sử dụng không hết vào cuối kỳ để làm căn cứ ghi giảm chi phí.

c. Phần hành kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương.

- **Ưu điểm:** Công ty áp dụng hình thức trả lương khoán theo sản phẩm đối với các công nhân lao động trực tiếp. Đây là hình thức

quản lý phù hợp tạo điều kiện hạch toán đúng, đủ và chính xác năng suất lao động. Phương pháp hạch toán này gắn liền với lợi ích của người lao động, do đó có tác dụng kích thích lao động.

- **Nhược điểm:** Công tác tiền lương của Công ty hiện nay cũng đang thực hiện bằng thủ công.

Công ty không trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm cho người lao động.

d. Phân hành kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm.

* **Ưu điểm:** Việc lập các sổ chi tiết chi phí sản xuất cho từng công trình đảm bảo cho việc theo dõi chi phí được xuyên suốt từ khi khởi công đến khi công trình hoàn thành và được nghiệm thu, thanh toán.

*** Nhược điểm**

- Việc áp dụng Quyết định 48/2006 QĐ – BTC ngày 14/06/2006 không phản ánh một cách chi tiết các loại chi phí, gây khó khăn cho việc quản lý chi phí theo các khoản mục.

- Công ty hiện nay chưa thực hiện việc kiểm kê nguyên vật liệu sử dụng không hết vào cuối kỳ để làm căn cứ ghi giảm chi phí.

- Việc phân bổ giá trị công cụ dụng cụ vào chi phí sản xuất không được chính xác.

2.3.4. Về tổ chức báo cáo kế toán.

a. Ưu điểm: Về cơ bản phần mềm kế toán công ty đang sử dụng đáp ứng đầy đủ các báo cáo tài chính theo quy định của Nhà nước và đáp ứng các báo cáo cần thiết về thông tin cho nhà quản lý.

b. Nhược điểm: Các báo cáo kế toán quản trị của Công ty chưa thật đầy đủ để giúp nhà quản lý đánh giá tình hình hoạt động của Công ty được sâu sắc làm cơ sở cho các quyết định quản lý.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Trong chương này luận văn trình bày rõ thực trạng về tổ chức công tác kế toán tại công ty và từ đó đưa ra những đánh giá phù hợp về tình hình tại Công ty. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty đáp ứng được yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước cũng như cung cấp thông tin về tình hình tài chính cho nhà quản lý. Đây chính là căn cứ để đề xuất các giải pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tại Công ty.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN 6.3

3.1. SỰ CẦN THIẾT VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN 6.3.

3.1.1 Sự cần thiết hoàn thiện tổ chức công tác kế toán.

Công ty Cổ Phần 6.3 muốn tồn tại và phát triển thì phải nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường. Do vậy, phải thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp, trong đó hoàn thiện tổ chức công tác kế toán là một biện pháp rất quan trọng. Hiện nay, tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần 6.3 còn nhiều bất cập như luân chuyển chứng từ, sổ kế toán, kế toán các phần hành, báo cáo kế toán quản trị chưa đáp ứng được yêu cầu của nhà quản trị. Chính vì vậy, hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ Phần 6.3 hiện nay càng trở nên cấp thiết.

3.1.2 Phương hướng hoàn thiện tổ chức công tác kế toán.

Qua nghiên cứu cơ sở lý luận và thực trạng tổ chức công tác kế toán tại Công ty 6.3, tác giả đề xuất phương hướng hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tại công ty là:

+ Cần tuân thủ các quy định về chứng từ và trình tự luân chuyển chứng từ.

+ Cần chú trọng phát huy hết tính năng của sổ Nhật ký đặc biệt, chi tiết hoá một sổ sổ chi tiết và phát huy hết tính năng của sổ tổng hợp.

+ Cần hoàn chỉnh các báo cáo về tình hình chi phí, doanh thu và các báo cáo về tình hình lãi lỗ nhằm bảo đảm số liệu đầy đủ cho việc phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3.2. CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN 6.3.

3.2.1 Hoàn thiện chứng từ kế toán ở Công ty.

- Các kế toán viên cần tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành qui định về chữ ký các đối tượng liên quan trong chứng từ, không tẩy xoá, lưu trữ chứng từ một cách khoa học....

3.2.2. Hoàn thiện sổ kế toán ở Công ty.

- Với quy mô ngày càng mở rộng, số lượng nghiệp vụ kinh tế phát sinh phản ánh lên sổ Nhật ký chung ngày càng nhiều và để khắc phục được vấn đề này cần tổ chức thêm sổ nhật ký đặc biệt. Cụ thể cần tổ chức thêm các sổ Nhật ký đặc biệt sau: Sổ Nhật ký thu tiền, Sổ Nhật ký chi tiền, Sổ nhật ký mua hàng.

Đối với các sổ Nhật ký đặc biệt trên sẽ cung cấp thông tin được kịp thời về tình hình thu, chi tiền, tình hình mua hàng. Đồng thời sẽ cung cấp thông tin được kịp thời, cuối tháng ta cộng và lấy dòng cộng này ghi lên sổ Cái một lần, nên sẽ giảm bớt được số lần ghi sổ Cái rất nhiều.

3.2.3. Hoàn thiện công tác kế toán theo các phần hành ở Công ty.

a. Về phần hành kế toán tài sản cố định.

- Công ty nên đánh số đối với TSCĐ nhằm cung cấp thông tin về bộ phận sử dụng TSCĐ đó có được sử dụng vào sản xuất kinh doanh hay không, năm đưa vào sử dụng.

- Tổ chức "Thẻ Tài sản cố định" nhằm theo dõi và quản lý chặt chẽ TSCĐ tại Công ty từ khi hình thành, đưa vào sử dụng cho đến khi đưa TSCĐ ra khỏi Công ty.

b. Về phần hành kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ:

Kế toán nguyên vật liệu muốn được chính xác và thuận lợi thì nguyên vật liệu phải được phân loại khoa học, hợp lý. Sau khi phân loại nguyên vật liệu thành từng nhóm, từng thứ nguyên vật liệu cần thiết phải lập "*Sổ danh điểm nguyên vật liệu*"

c. Về phần hành kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương.

- Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm:

- Về hạch toán bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế : Công ty nên cho vào chi phí sản xuất chung tức là hạch toán vào TK 627. Hạch toán như trên sẽ dẫn đến việc tính giá thành sản phẩm không đúng.

- Phần hành tiền lương và các khoản trích theo lương TK 334 được chi tiết ra 2 tài khoản cấp 2 để theo dõi chi tiết cho cán bộ công nhân viên trong Công ty và người lao động thuê ngoài. Công ty nên mở chi tiết tài khoản TK 3342 – phải trả lao động thuê ngoài thành 2 tài khoản chi tiết: TK 3342D, TK 3342N

- Công ty nên mở thêm TK 351- quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm cho nhân viên. .

d. Về phần hành kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm:

Để cung cấp thông tin chính xác về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, đối với công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn, thời gian sử dụng dài...Khi xuất Công ty nên đưa vào chi phí trả trước, sau đó tiến hành phân bổ dần cho các kỳ sử dụng, làm như vậy sẽ phản ánh chính xác giá thành hơn, giảm được sự biến động mạnh của chi phí cũng như lợi nhuận giữa các kỳ.

Để xác minh đúng mức độ hao mòn của từng máy móc thiết bị phục vụ cho từng công trình, đồng thời nhằm tính chính xác, trung thực giá thành sản phẩm, Công ty nên phân bổ chi phí khấu hao máy thi công cho từng công trình theo tiêu thức " số ca máy phục vụ" cho từng công trình, chứ không nên tính gộp với chi phí sản xuất chung.

Cuối kỳ căn cứ vào báo cáo hoạt động của từng đội máy, kế toán lập "bảng tổng hợp hoạt động của xe máy thi công " để làm căn cứ phân bổ chi phí khấu hao máy thi công. Từ số liệu thực tế tại công ty, lập được" Bảng tổng hợp hoạt động của xe máy thi công" .

3.2.4. Hoàn thiện báo cáo kế toán ở Công ty..

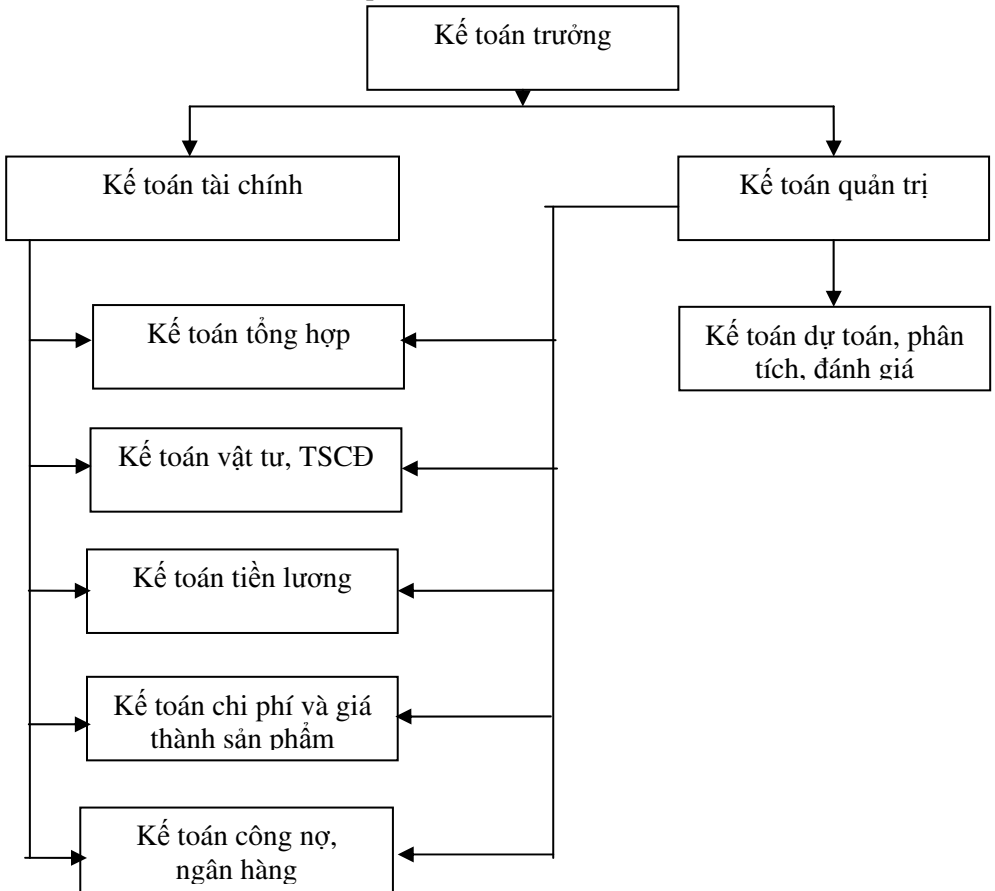
- Báo cáo tổng hợp nguyên vật liệu tồn kho.
- Báo cáo tổng hợp chi phí sản xuất theo từng công trình.
- Báo cáo tình hình thực hiện dự toán chi phí nguyên vật liệu.
- Báo cáo lãi lỗ theo từng công trình.

3.3. ĐIỀU KIỆN CẦN THIẾT ĐỂ THỰC HIỆN CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN 6.3.

Để áp dụng và đạt hiệu quả cao trong công tác kế toán tại Công ty cần phải giải quyết căn bản những vấn đề sau:

3.3.1. Tổ chức hoàn thiện bộ máy kế toán theo hướng kết hợp giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị.

Để nâng cao hiệu quả thông tin, giúp nhà quản lý ra quyết định, tác giả đề xuất mô hình tổ chức bộ máy kế toán có sự kết hợp giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 3.1. Mô hình bộ máy kế toán kết hợp giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị

Mô hình này thể hiện kế toán tài chính và kế toán quản trị được tổ chức thành một hệ thống thống nhất trong cùng một bộ máy kế toán. Các kế toán viên vừa làm nhiệm vụ của kế toán tài chính vừa làm nhiệm vụ của kế toán quản trị.

3.3.2. Áp dụng chế độ kế toán theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 thay chế độ kế toán theo Quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006.

Với quy mô ngày càng mở rộng, để cung cấp thông tin một cách chi tiết, chính xác, rõ ràng cho nhà quản lý cũng như đối tượng sử dụng thông tin. Tác giả thấy Công ty nên áp dụng Quyết định 15/2006 QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính, vì :

+ Ở Quyết định 15, việc tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí máy thi công và chi phí sản xuất chung được chi tiết theo từng TK 621, TK 622, TK 623, TK 627, thay vì tập hợp chung vào TK 154. Tương tự như vậy, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp cũng được chi tiết ra TK 641, TK 642 thay vì tập hợp lên TK 642. ... được mở ở tài khoản cấp 1,

+ Việc áp dụng Quyết định 15 giúp cho việc chi tiết số liệu kế toán tạo độ chính xác cho việc lập các báo cáo kế toán quản trị ở Công ty được thực hiện tốt hơn.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trong chương 3 tác giả đã tập trung đưa ra giải pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần 6.3. Trên cơ sở phân tích thực trạng tổ chức công tác kế toán và kết hợp với cơ sở lý luận về tổ chức công tác kế toán. Chương 3 của luận văn đã tập trung giải quyết một số nội dung chủ yếu về sổ kế toán, các phần hành kế toán, các báo cáo kế toán quản trị phục vụ cung cấp thông tin cho việc ra quyết định của nhà quản lý.

KẾT LUẬN CHUNG

Tổ chức công tác kế toán là một trong những nội dung thuộc về tổ chức quản lý trong doanh nghiệp. Tổ chức công tác kế toán một cách thích ứng với điều kiện về qui mô, về đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh cũng như gắn với những yêu cầu quản lý cụ thể tại doanh nghiệp có ý nghĩa hết sức quan trọng và to lớn trong việc nâng cao hiệu quả quản lý tại doanh nghiệp. Với chức năng thông tin và cung cấp kết quả hoạt động của doanh nghiệp một cách thường xuyên, nhanh nhạy, có hệ thống nên tổ chức công tác kế toán là một trong các mặt quan trọng được các doanh nghiệp quan tâm.

Tổ chức công tác kế toán đóng vai trò rất quan trọng trong công tác quản lý kinh tế tài chính. Bất cứ một doanh nghiệp nào muốn tồn tại và phát triển đều phải tổ chức công tác kế toán.

Với đề tài “*Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tại Công ty cổ phần 6.3*”, luận văn đã tập trung làm rõ các vấn đề sau:

- Trình bày, làm rõ những vấn đề lý luận chung và thực trạng về tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp xây lắp nói chung cũng như tại Công ty Cổ phần 6.3. Chỉ rõ những ưu và nhược điểm về tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần 6.3,

- Đưa ra các giải pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tại Công ty, như: Hoàn thiện chứng từ kế toán; Hoàn thiện sổ kế toán; Hoàn thiện công tác kế toán theo các phần hành; Hoàn thiện báo cáo kế toán.

Ngoài ra, luận văn cũng nêu các điều kiện để thực hiện giải pháp gồm: tổ chức bộ máy kế toán kết hợp giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị, và đề nghị Công ty áp dụng chế độ kế toán theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006.

Qua các giải pháp, tác giả mong muốn luận văn sẽ góp phần nhất định trong việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán ở Công ty Cổ phần 6.3.